ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56 /2026/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH13;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chính sách tín dụng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Kết luận số 366-KL/ĐU ngày 16/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030 tại Hội nghị lần thứ 28 về nội dung kinh tế-xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập theo Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND tiếp tục giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai theo dõi, quản lý, tổ chức, thực hiện để xử lý nợ rủi ro theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Kinh phí được trích từ 15% số tiền lãi thu được chi cho các đơn vị có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND từ ngày 01/7/2025 được phân phối theo quy định tại Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Nguồn vốn cho vay đối với đồng bào dân tộc Chăm do Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh (trước sắp xếp) ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Vân Canh để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn được bàn giao về ngân sách tỉnh ủy thác để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội; Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- NHCSXH tỉnh; Sở Tư pháp;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, V4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Số: 56/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-05-22T18:27:08+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày /5/2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh (bao gồm cả nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

Điều 3. Cơ quan ký Hợp đồng ủy thác

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính ký Hợp đồng ủy thác/Phụ lục Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Hợp đồng ủy thác gồm những nội dung chính như sau: Thông tin của bên ủy thác, thông tin bên nhận ủy thác, nội dung công việc ủy thác, tổng giá trị ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, hiệu lực Hợp đồng và các nội dung cần thiết khác liên quan. Trường hợp có thay đổi thực hiện điều chỉnh Hợp đồng ủy thác hoặc ký bổ sung Phụ lục Hợp đồng ủy thác.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đối tượng cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Đối tượng cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND quy định chính sách tín dụng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai.

Điều 5. Nguyên tắc cho vay

1. Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn đã ghi trong hợp đồng/sổ vay vốn/khế ước vay vốn.

3. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Mục đích sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 7. Quy trình, thủ tục cho vay, phương thức cho vay, điều kiện cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)

1. Chính sách tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với từng chương trình tín dụng.

2. Chính sách tín dụng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND

a) Đối với chính sách tín dụng theo điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội về chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

b) Đối với chính sách tín dụng theo điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội về chính sách tín dụng hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

c) Đối với chính sách tín dụng theo điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội về chính sách tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

d) Đối với chính sách tín dụng theo điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội về chính sách tín dụng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

đ) Đối với chính sách tín dụng theo điểm đ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán và không áp dụng điều kiện vay vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

Thẩm quyền, thủ tục, hồ sơ gia hạn nợ do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay bằng nguồn vốn ủy thác

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý, hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh vào thu nhập của đơn vị và sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân, bằng mức phí quản lý hiện nay được Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội (0,225%/tháng). Trường hợp phí quản lý được trích không đủ bù đắp chi phí hoạt động nhận ủy thác của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh mức phí quản lý và cấp bù phần còn thiếu.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, mức trích bằng 15% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

- Trích 1,5% số tiền lãi thu được cho Sở Tài chính.

- Trích 1,5% số tiền lãi thu được cho các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý đối tượng vay vốn (do Ngân hàng Chính sách xã hội theo dõi).

- Trích 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, được quản lý tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho các tập thể, cá nhân có liên quan.

- Trích 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã, được quản lý tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (tương ứng với số tiền lãi thu được tại đơn vị) cho các tập thể, cá nhân có liên quan.

- Trích 2% số tiền lãi thu được để dự phòng chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng phát sinh (nếu có). Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định, trường hợp không sử dụng thì bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Trường hợp các đơn vị không sử dụng hết số kinh phí được trích, thì thu hồi bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

d) Phần còn lại sau khi trừ tiền lãi hỗ trợ theo chính sách của địa phương (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung chi và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác.

a) Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Nội dung chi: Chi phí phục vụ cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng và phối hợp triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

- Mức chi: Thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan đảm bảo đúng theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp do Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp phê duyệt dự toán và giao cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức thực hiện, đảm bảo thanh quyết toán đúng quy định.

- Nội dung chi:

+ Chi phí hội nghị sơ kết, tổng kết định kỳ hoặc đột xuất; chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng, trình độ nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tín dụng chính sách.

+ Chi phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát liên quan nguồn vốn ngân sách tỉnh: công tác phí, phương tiện đi lại, tiền phòng nghỉ, ăn uống.

+ Chi hỗ trợ thông tin tuyên truyền, thiết bị công cụ dụng cụ, vật liệu văn phòng, in ấn tài liệu, lễ tân, khánh tiết và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

+ Hỗ trợ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến công tác xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, nợ khó đòi cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

+ Chi hỗ trợ công tác quyết toán, tổng hợp, báo cáo, phân phối lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

+ Chi khen thưởng đối với thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp; các tập thể và cá nhân khác có thành tích đóng góp vào hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

- Mức chi: Thực hiện theo quy chế quản lý tài chính, quy chế Thi đua-Khen thưởng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội do Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành.

- Đối với một số khoản chi chưa có quy định tại Quy chế này, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trước khi thực hiện.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro:

a) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội: Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh lập hồ sơ đề xuất xử lý nợ bị rủi ro đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trích lập từ hoạt động cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo

cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo tổng hợp nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Tài chính.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Căn cứ chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chương trình mục tiêu khác, có định hướng về nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Trên cơ sở nhu cầu vay vốn của các địa phương, quyết định phân bổ kế hoạch nguồn vốn cho các đơn vị triển khai thực hiện.

c) Chỉ đạo và thực hiện kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác.

d) Thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc tham mưu, đề xuất bổ sung chỉnh sửa cơ chế chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở nhu cầu vay vốn do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh hằng năm, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí cấp bù phần chi phí quản lý còn thiếu cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (nếu có) trong trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định; bổ sung phần chênh lệch thiếu trong trường hợp nguồn tiền lãi thu được từ cho vay bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác sau khi đã trừ các khoản trích lập theo quy định nhỏ hơn số tiền hỗ trợ miễn lãi suất cho vay đối với các chương trình có hỗ trợ lãi vay do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

c) Ký Hợp đồng ủy thác/phụ lục Hợp đồng ủy thác và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

d) Phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác và đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác.

đ) Phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và cơ quan liên quan rà soát, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan do Thủ tướng Chính phủ quy định.

e) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

3. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai rà soát nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách bổ sung vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hằng năm.

b) Chủ động rà soát, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sửa đổi, bổ sung hoặc báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách và các văn bản liên quan đến tín dụng chính sách xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công, nhất là các nội dung liên quan đến đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.

c) Phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội. Kịp thời tổng hợp các kiến nghị, phản ánh, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tổ chức thực hiện tín dụng chính sách xã hội có hiệu quả. Đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

d) Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao làm tốt công tác tuyên truyền tín dụng chính sách xã hội; phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trong tổ chức triển khai thực hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến việc triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn, đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Tổ chức thực hiện tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, cho vay đúng đối tượng, đúng quy định, đảm bảo sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn được ủy thác.

b) Tham mưu Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp thực hiện phân bổ, điều chỉnh kế hoạch cho vay các chương trình tín dụng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thực tế từ địa phương để thực hiện cho vay.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn (định kỳ hoặc đột xuất) làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

d) Chủ trì, lập hồ sơ và phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan rà soát, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác và đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác.

đ) Chủ trì, lập hồ sơ và phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan rà soát, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan do Thủ tướng Chính phủ quy định.

e) Phối hợp các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách xã hội đảm bảo việc thực hiện đúng quy định.

g) Phối hợp các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp danh sách tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội theo định kỳ hoặc đột xuất; đề xuất cơ cấu, số lượng tập thể, cá nhân được thưởng bằng tiền trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp phê duyệt.

h) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay ngoài quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này (nếu cần thiết) phù hợp theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

i) Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp, báo cáo nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính theo quy định.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội khảo sát, xác định nhu cầu vay vốn hằng năm làm căn cứ xây dựng kế hoạch nguồn vốn.

b) Xác nhận đối tượng vay vốn, điều kiện theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

c) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

d) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, các cơ quan có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; xử lý các trường hợp nợ quá hạn phát sinh; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; kiểm tra, phúc tra các trường hợp hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

7. Trách nhiệm của người vay

a) Kê khai hồ sơ vay vốn đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả tiền gốc, tiền lãi đúng quy định.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Cơ chế tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay

a) Tạo lập nguồn vốn ngân sách tỉnh (bao gồm các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Hằng năm hoặc định kỳ, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay theo quy định.

b) Tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, được trích định kỳ để bổ sung nguồn vốn cho vay theo quy định tại Quy chế này.

c) Nguồn chênh lệch lớn hơn giữa Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro và Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa theo quy định, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác.

2. Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.